

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 20-3-2020

*"V/v Tranh chấp hợp đồng  
góp hụi và hợp đồng vay tài sản".*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Lanh**.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đặng Thị Lệ**.

2. Ông **Sơn Thanh Huyền**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mỹ Hạnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2019/TLST – DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Bành Thị L** - sinh năm: 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện V, tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Bành Thị L** là ông **Phạm Văn H** - Luật sư Phạm Văn H - thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:* 2.1. Chị **Võ Thị Mộng T** - sinh năm: 1977 (có mặt).

2.2. Anh **Nguyễn Huy C** – sinh năm: 1978 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã H, huyện V, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 8 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Bành Thị L** trình bày: Bà làm đầu thảo của 04 dây hụi, chị **Võ Thị Mộng T** và anh **Nguyễn Huy C** là hụi viên cụ thể như sau:

Dây thứ 1: Hụi mở ngày 15/10(âm)/2017 nhằm ngày 02/12(dương)/2017 mãn hụi ngày 15/01(âm)/2019 nhằm ngày 19/02(dương)/2019, loại hụi tiền 2.000.000đ,

một tháng khai hội một lần, có 16 hội viên, chị T và anh C tham gia một phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.000.000đ cho một lần khai hội. Chị T, anh C hốt hội ở lần đầu tiên được 20.000.000đ đã trừ tiền huê hồng xong. Sau đó chị T và anh C đóng lại được 14 lần hội chết, còn lại 01 lần hội chết không đóng với số tiền là 2.000.000đ.

Dây thứ 2: Hội mở ngày 12/01(âl)/2018 nhằm ngày 27/02(dl)/2018 mãn hội ngày 12/02(âl)/2019 nhằm ngày 17/3/2019, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 14 hội viên, chị T và anh C tham gia một phần, huê hồng đầu thảo hưởng 2.500.000đ cho một lần khai hội. Chị T, anh C hốt hội ở lần đầu tiên được 44.690.000đ đã trừ tiền huê hồng xong. Sau đó chị T và anh C đóng lại được 12 lần hội chết còn lại 01 lại một lần hội chết không đóng với số tiền là 5.000.000đ.

Dây thứ 3: Hội mở ngày 04/9(âl)/2018 nhằm ngày 12/10(dl)/2018 mãn hội ngày 04/9(âl)/2019 nhằm ngày 02/10/2019, loại hội tiền 2.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 13 hội viên, chị T và anh C tham gia một phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.000.000đ cho một lần khai hội. Chị T, anh C hốt hội ở lần đầu tiên được 19.160.000đ đã trừ tiền huê hồng xong. Sau đó chị T và anh C đóng lại được 4 lần hội chết còn lại 08 lần hội chết không đóng với số tiền là 16.000.000đ.

Dây thứ 4: Hội mở ngày 17/9(âl)/2018 nhằm ngày 25/10(dl)/2018 mãn hội ngày 17/11(âl)/2019 nhằm ngày 12/12/2019, loại hội tiền 1.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 15 hội viên, chị T và anh C tham gia một phần, huê hồng đầu thảo hưởng 500.000đ cho một lần khai hội. Chị T, anh C hốt hội ở lần đầu tiên được 11.190.000đ đã trừ tiền huê hồng xong. Sau đó chị T và anh C đóng lại được 3 lần hội chết còn lại 11 lại một lần hội chết không đóng với số tiền là 11.000.000đ.

Tổng cộng 04 dây hội chị T, anh C còn thiếu tiền nợ hội của bà L là 34.000.000đ.

Ngoài ra vào ngày 24/12/(âl)/2018 nhằm ngày 29/01/(dl)/2019 bà L có cho chị T, anh C vay số tiền là 100.000.000đ có làm biên nhận nợ, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời gian trả là mùng 6 tháng 01 (âl) năm 2019 nhưng sau đó đến ngày trả tiền vay cho bà L thì chị T, anh C không trả tiền vay cho bà L như đã thỏa thuận.

Nay bà L yêu cầu chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Huy C phải trả lại cho bà L tiền nợ của 04 dây hội là 34.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ. Tổng cộng là 134.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

\* Tại biên bản hòa giải ngày 03/12/2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Võ Thị Mộng T trình bày: Chị thống nhất theo lời trình bày của bà Bành Thị L chị thừa nhận chị còn nợ tiền hội của bà L 04 dây hội là 34.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ. Tổng cộng tiền hội và tiền vay là 134.000.000đ. Nay bà L yêu cầu chị và anh C cùng trả tiền nợ hội và tiền vay cho bà L tổng cộng là 134.000.000đ thì chị đồng ý một mình cá nhân chị trả số tiền trên cho bà L chị không đồng ý anh C cùng có nghĩa vụ trả tiền hội và tiền vay cho bà L cùng với chị T vì số nợ trên là do cá nhân chị nợ, việc chị tham gia góp hội và vay tiền của bà L thì anh C không biết.

\* Tại bảng khai ý kiến ngày 26/2/2020, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Huy C trình bày: Việc vợ anh là chị T tham gia góp hụi và vay tiền của bà L là anh hoàn toàn không biết do chị T không có nói lại với anh đối với chữ ký tên C và ghi họ tên Nguyễn Huy C trong danh sách hụi do bà L cung cấp, anh C không thừa nhận chữ ký tên C và ghi họ tên Nguyễn Huy C là của anh C. Nay bà L yêu cầu chị T và anh C cùng trả tiền nợ hụi và tiền vay cho bà L tổng cộng là 134.000.000đ là anh không đồng ý do anh không có tham gia góp hụi và vay tiền của bà L.

\* Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Bành Thị L có Luật sư Phạm Văn H trình bày: Bà L yêu cầu chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Huy C phải trả lại cho bà L tiền nợ của 04 dây hụi là 34.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ. Tổng cộng là 134.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Chị T cũng thống nhất thừa nhận chị có nợ tiền hụi và tiền vay của bà L là 134.000.000đ nay chị T thống nhất trả cho bà L số tiền trên nhưng chỉ một mình cá nhân chị T trả cho bà L số tiền 134.000.000đ chị T không đồng ý để anh C cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền trên cùng chị vì theo chị T trình bày đây là nợ riêng của chị, chị chỉ xài cá nhân chị, chị góp hụi và vay tiền của bà L thì anh C không biết. Lời trình bày của chị T là không có cơ sở vì chị T trình bày trong thời gian trên anh chị vẫn là vợ chồng, vẫn sinh hoạt chung trong gia đình, chị buôn bán lỗ lãi nên vay tiền để buôn bán, số tiền sinh lời cũng nhằm mục đích lo cho gia đình, chị T trình bày vay số tiền 100.000.000đ trên để cho em một phần và lo cho đi trị bệnh nhưng đối với số tiền lớn việc chị cho cũng phần nào, chủ yếu chị lo cho gia đình, số tiền hụi có danh sách hụi anh C cũng ký tên, nhưng anh C không thừa nhận chữ ký và anh cũng không cung cấp chữ ký để giám định vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh C cùng có nghĩa vụ với chị T trả tiền nợ hụi và tiền vay cho bà L là 134.000.000đ.

\* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 463, Điều 465, Điều 466, của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bành Thị L.

Buộc chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Huy C liên đới phải trả cho bà Bành Thị L số tiền nợ hụi là 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng) và tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tổng cộng là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Huy C phải chịu 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

\* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn Bành Thị L đã nộp: Đơn khởi kiện, Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận; Biên nhận, giấy tay ghi tiền hụi; Dịch vụ chuyển phát nhanh, đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, tờ cam kết, bảng khai ý kiến, giấy nộp tiền, giấy xác nhận viết tay của các hụi viên.

Bị đơn chị Võ Thị Mộng T đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Bị đơn anh Nguyễn Huy C đã nộp: đơn xin hoãn phiên tòa, bảng khai ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bành Thị L là Luật sư Phạm Văn H đã nộp: giấy giới thiệu, đơn yêu cầu Luật sư tham gia tố tụng, thẻ luật sư, chứng chỉ hành nghề Luật sư.

*Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Tòa án nhận định:*

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Bành Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản giữa bà và chị Võ Thị Mộng T, anh Nguyễn Huy C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản giữa bà Bành Thị L và chị Võ Thị Mộng T, anh Nguyễn Huy C được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chị T thống nhất thừa nhận chị có tham gia 04 dây hụi do bà L làm đầu thảo và còn nợ hụi lại bà L 04 dây hụi với số tiền là 34.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ, tổng cộng là 134.000.000đ, nay chị T thống nhất trả cho bà L số tiền trên nhưng chỉ một mình cá nhân chị T trả cho bà L số tiền 134.000.000đ chị T không đồng ý để anh C cùng có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền trên cùng chị vì theo chị T trình bày đây là nợ riêng của chị, chị chỉ xài cá nhân chị, chị góp hụi và vay tiền của bà L thì anh C không biết do chị không có nói lại với anh C.

Anh C trình bày vợ anh là chị T tham gia góp hụi và vay tiền của bà L là anh hoàn toàn không biết do chị T không có nói lại với anh đối với chữ ký tên C và ghi họ tên Nguyễn Huy C trong danh sách hụi do bà L cung cấp, anh C không thừa nhận chữ ký tên C và ghi họ tên Nguyễn Huy C là của anh C. Nay bà L yêu cầu chị T và anh C cùng có nghĩa vụ trả tiền nợ hụi và tiền vay cho bà L tổng cộng là 134.000.000đ là anh C không đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay chị T trình bày chị tham gia góp hụi và vay tiền của bà L thì anh C không biết do chị không có nói lại với anh C, chị sử dụng tiền

hốt hụi và tiền vay của bà L do chị buôn bán không có lời nên chị hốt hụi lấy vốn buôn bán, và một phần chị cho em chị và cho dì ruột của chị nên số tiền trên là chị chỉ chi xài cho cá nhân chị T. Chị T không có sử dụng tiền hụi và tiền vay của bà L để chi xài chung trong gia đình nên chị T chỉ đồng ý một mình cá nhân chị trả số tiền trên cho bà L, chị không yêu cầu anh C cùng có nghĩa vụ trả tiền cho bà L cùng chị.

Xét lời trình bày của chị T là không có cơ sở vì theo lời trình bày của chị T tại phiên tòa chị T thừa nhận trong thời gian góp hụi và vay tiền của bà L từ năm 2017 đến năm 2019 thì chị và anh C là vợ chồng sống cùng một nhà, cùng sinh hoạt chi tiêu trong gia đình đều chi xài chung, không có sử dụng tiền riêng của chị T hay anh C để chi xài riêng mà vợ chồng cùng làm chung nhằm phục vụ chi tiêu để nuôi con ăn học, phục vụ nhu yếu phẩm cho gia đình và tại danh sách hụi viên ngày 17/9/(âl)/2018 ghi “*Tiền vợ Hòa bí danh C*” đồng thời anh C có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Huy C, theo anh C trình bày chữ ký tên và ghi họ tên trong danh sách hụi trên không phải của anh C nên vào ngày 11/02/2020 Tòa án đã ra quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ cho anh C yêu cầu anh C cung cấp chữ ký tên và ghi họ tên của anh C và nộp tiền tạm ứng chi phí giám định để Tòa án trưng cầu cơ quan chuyên môn giám định chữ ký của anh C nhưng đến nay anh C không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở để Tòa án xem xét yêu cầu của anh.

Xét thấy, đối với số tiền nợ hụi và tiền vay 134.000.000đ mà chị T và anh C còn nợ bà L hình thành trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh C, đồng thời trong thời điểm chị T hốt hụi và vay tiền của bà L theo chị T trình bày là chị sử dụng số tiền trên để chi xài cá nhân chị T là không có cơ sở và anh C cũng không cung cấp được chứng cứ thể hiện chữ ký tên và ghi họ tên của anh C trong biên nhận hụi không phải là của anh C. Từ đó, cho thấy anh C biết được việc chị T tham gia góp hụi và vay tiền của bà L, do đó tiền nợ hụi và tiền vay mà chị T còn thiếu bà L là 134.000.000đ là nợ chung của chị T và anh C nên căn cứ vào Điều 463, Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc chị T và anh C cùng có nghĩa vụ trả lại bà L cho bà L số tiền nợ hụi 34.000.000đ và tiền vay là 100.000.000đ, tổng cộng là 134.000.000đ.

Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Bành Thị L có Luật sư Phạm Văn H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, về nội dung của vụ kiện là phù hợp với quy định.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T và anh C phải nộp tiền án phí là 6.700.000đ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bành Thị L.

Buộc chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Huy C phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Bành Thị L số tiền nợ hụi là 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng) và tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), tổng cộng là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Huy C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bà Bành Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Bành Thị L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.350.000đ (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo lai thu số N<sup>o</sup> 0007620, ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

**Phạm Thị Lanh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Lanh**

